

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2026/DS-ST

Ngày: 17-8-2026

"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Nguyễn Hoàng Đông

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 202/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

- Ông Nguyễn Văn S, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1967 (có mặt);

- Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1968 (có mặt);

Cùng địa chỉ: N, xã Đ, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* - Chị Hồ Kim H, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1984 (có mặt);

- Anh Nguyễn Văn M1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 4, xã A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M trình bày và yêu cầu như sau:*

Ông bà có cho chị Hồ Kim H vay mượn các như sau: Ngày 10 tháng 10 năm 2024 âm lịch, chị Hồ Kim H vay mượn số tiền 95.000.000 đồng. Ngày 11 tháng 10 năm 2024 âm lịch, chị Hồ Kim H vay mượn là 40.000.000 đồng. Tổng 2 lần vay số tiền là 135.000.000 đồng. Ngày 21 12 năm 2024 âm lịch, chị Hồ Kim H vay mượn 01 cây vàng 24k, loại vàng 9999. Ngày 12 01 năm 2025 âm lịch, chị Hồ Kim H vay mượn 01 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999. Tổng cộng 04 lần vay mượn cho chị Hồ Kim H vay mượn số tiền là 135.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999. Nay ông bà yêu cầu bị đơn chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 trả toàn bộ số tiền và vàng đã vay mượn của ông bà là: 151.807.500 đồng, trong đó: 135.000.000 đồng vốn gốc và 16.807.500 đồng tiền lãi (Từ ngày 11 tháng 3 năm 2024 âm lịch đến ngày 11 tháng 5 năm 2026 âm lịch 15 tháng, với mức lãi 0,83%/ tháng) và 11 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, ông bà yêu cầu trả 01 lần trong thời hạn 01 tháng, ngoài ra ông bà không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Kim H1 trình bày như sau:*

Chị thừa nhận vào các ngày 10 tháng 10 năm 2024 âm lịch, chị có vay mượn của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền 95.000.000 đồng và ngày 11 tháng 10 năm 2024 âm lịch, chị có vay mượn của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền 40.000.000 đồng, tổng 2 lần vay số tiền là 135.000.000 đồng. Vào các ngày 21 12 năm 2024 âm lịch, chị có vay mượn của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M 01 cây vàng 24k, loại vàng 9999 và ngày 12 01 năm 2025 âm lịch, chị có vay mượn của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M 01 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999. Tổng cộng 04 lần chị có vay mượn của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền là 135.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999. Nay chị đồng ý trả cho trả ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền vốn gốc 135.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, chị hẹn trả mỗi tháng trả 2.000.000 đồng từ tháng 12 năm 2026, chị trả đủ số tiền và số vàng còn nợ của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M nói trên, chị xin hết số tiền lãi, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn M1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn M1 biết để có ý kiến về việc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M yêu cầu anh Nguyễn Văn M1 và chị Hồ Kim*

H trả số tiền vay còn nợ nhưng anh Nguyễn Văn M1 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, chị Hồ Kim H thừa nhận có vay tiền, còn nợ nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* 03 Căn cước công dân tên Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị M (Bản sao) và Hồ Kim H (Bản photo); Tờ biên nhận ngày 11 tháng 10 năm 2024 (Bản photo và bản chính); Đơn yêu cầu ngày 14 tháng 10 năm 2025 của ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị M (Bản chính); Biên bản V/v hòa giải tranh chấp dân sự ngày 17 tháng 10 năm 2025 của ấp D, xã A (Bản C); Đơn xin xác nhận nơi cư trú ngày 14 tháng 10 năm 2025 của ông Nguyễn Văn S và Nguyễn Thị M (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M cho chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 vay số tiền vốn gốc 135.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, trả 01 lần hết số tiền và vàng còn nợ nói trên, ngoài ra ông bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Hồ Kim H thừa nhận, chị có vay của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền vốn gốc 135.000.000 đồng và 11 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, sau khi hòa giải chị trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M 02 chỉ vàng 24k. Nay chị đồng ý trả cho trả ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền vốn gốc 135.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, chị hẹn mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, trả cho đến khi đủ số tiền và số vàng còn nợ nói trên, chị xin hết số tiền lãi, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M1 vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị đơn chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 trả tiền vay còn nợ. Bị đơn cư trú tại: ấp D, xã A, tỉnh An Giang nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn M1 và chị Hồ Kim H biết và ấn định

thời gian để anh chị có ý kiến về việc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M khởi kiện đối với anh chị trả tiền và vàng vay còn nợ, nhưng anh Nguyễn Văn M1 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình; sau khi tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không thành, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Văn M1 và chị Hồ Kim H nhưng anh Nguyễn Văn M1 cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M và bị đơn chị Hồ Kim H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn M1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M và chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 được xác lập bằng lời nói, chị Hồ Kim H có ghi biên nhận nợ số tiền vay vốn gốc là 135.000.000 đồng và 01 cây vàng 24k, loại vàng 9999 là phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M yêu cầu bị đơn chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 phải trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền 135.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, ông bà yêu cầu trả 01 lần đủ số tiền và vàng nói trên; chị Hồ Kim H thừa nhận có vay tiền và vàng của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M hiện nay còn nợ và đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền vốn gốc 135.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, chị hẹn mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, chị xin hết số tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M phù hợp với lời trình bày của chị Hồ Kim H cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: 02 tờ biên nhận các ngày 11 tháng 10 năm 2024, ngày 21 tháng 12 năm 2024 và Biên bản về việc hòa giải tranh chấp dân sự ngày 17 tháng 10 năm 2025 của ấp D, xã A, tỉnh An Giang, chị Hồ Kim H có vay tiền và vàng của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M còn nợ tổng số là 135.000.000 đồng tiền vốn và 11 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 là có thật và thuộc trường hợp một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự; sau khi chị Hồ Kim H vay tiền và vàng của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M không trả đúng theo thỏa thuận, là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ

án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị M và chị Hồ Kim H thống nhất số tiền vay vốn gốc và 09 chỉ vàng chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, vàng vốn gốc nhưng chị Hồ Kim H hẹn trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M không đồng ý, yêu cầu trả đủ 01 lần là không thống nhất số lượng tiền và vàng, thời gian và phương thức trả nợ, nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự được.

Ngoài ra, chị Hồ Thị H2 tự xác định, chị và anh Nguyễn Văn M1 chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn cách nay 10 năm, vào năm 2024 âm lịch vay tiền và vàng của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M để làm ăn kinh tế và sinh hoạt trong gia đình; ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M yêu cầu anh Nguyễn Văn M1 cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền và vàng vay cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M, thì anh Nguyễn Văn M1 không có ý kiến yêu cầu gì, việc chị Hồ Kim H vay tiền và vàng nhằm mục đích làm phát triển kinh tế gia đình hoặc tạo ra nguồn thu nhập của gia đình theo quy định tại Điều 27, Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật nhân và gia đình quy định: “*vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30....; V, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này; vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Trong trường hợp vợ chồng không có tài sản chung hoặc tài sản chung không đủ để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì vợ, chồng có nghĩa vụ đóng góp tài sản riêng theo khả năng kinh tế của mỗi bên. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm; nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”.

Do đó, buộc anh Nguyễn Văn M1 cùng chịu trách nhiệm liên đới với chị Hồ Kim H trả số tiền và vàng vay còn nợ ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M là 135.000.000 đồng và 09 chỉ vàng chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, vàng vốn gốc.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M, buộc chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền và vàng vay vốn gốc là 135.000.000 đồng và 09 chỉ vàng chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 theo quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật sự, khi nào bản án có hiệu lực

pháp luật thi hành theo Pháp luật thi hành án dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải u án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật sự;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M, buộc chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền và vàng vay vốn gốc là 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) và 09 (Chín) chỉ vàng chỉ vàng 24k, loại vàng 9999.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M nếu người phải thi hành án chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 còn phải trả cho người được thi hành án ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc bị đơn chị Hồ Kim H và anh Nguyễn Văn M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.735.000 đồng [135.000.000 đồng + 09 chỉ vàng 24k x 13.300.000 đồng/ chỉ) x 5%].

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M không chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 8.497.500 đồng theo biên lai thu số: 307488 (Ký hiệu: BLTU/26) ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17 tháng 8 năm 2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo